TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ	*Phúc Thọ, ngày 31 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Cụm 7, xã P.H, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Cụm 7, xã P.H, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/07/1999, đã trưởng thành và cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 10/10/2003.

Anh chị thống nhất: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 10/10/2003 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị T cho đến khi anh D có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh chị thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Thửa đất số 1399[a], tờ bản đồ số 14, diện tích 75m^2 đất ở và 90m^2 đất vườn tại thôn L, xã C, thị Xã S, TP Hà Nội. Đất đã được cấp GCNQSDĐ số S091518, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00836 QSDĐ/CĐ do UBND thị xã S cấp ngày 27/4/2004 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T trị giá 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*.

Vị trí, kích thước thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất hộ ông L dài 14,0m;

Phía Nam giáp thửa đất hộ ông T dài 15,5m;

Phía Đông giáp thửa đất hộ ông Q dài 5,40m + 6,60m;

Phái Tây giáp đường đi dài 12,0m.

+ Thửa đất số 440, tờ bản đồ số 03, diện tích 180m^2 tại vườn Đ, xã P.H, huyện P, Hà Nội. Đất đã được cấp GCNQSDĐ số BA239706, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH 00084 do UBND huyện P cấp ngày 02/11/2010 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T trị giá 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*.

Vị trí, kích thước thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Th và đất miếu dài 16,0m;

Phía Nam giáp ngõ đi dài 17,0m;

Phía Đông giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Văn T dài 10,8m;

Phái Tây giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân T dài 11,0m

Anh chị thống nhất: Giao cho chị T được quyền sử dụng thửa đất số 1399[a], tờ bản đồ số 14, diện tích 75m^2 đất ở và 90m^2 đất vườn tại thôn L, xã C, thị xã S, Hà Nội trị giá 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*, giao cho anh D được quyền sử dụng thửa đất số 440, tờ bản đồ số 03, diện tích 180m^2 tại vườn Đ, xã P.H, huyện P, Hà Nội trị giá 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*. Chị T phải trích trả anh D số tiền giá trị tài sản chênh lệch là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*.

Về nợ: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T và anh D mỗi người phải chịu 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* án phí chia tài sản. Số tiền án phí của chị T được trừ vào số tiền 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005249 ngày 24/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.350.000đ *(Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- UBND xã P.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Minh Loan